

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2021/HNGĐ-ST**
Ngày : 22/4/2021
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Văn Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Bình & Ông Đinh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Y Sura, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên

Ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 2 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1966.

- *Bị đơn:* **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1966.

Đồng trú: khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Ông H có mặt tại phiên tòa; Bà N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Nguyễn Văn H trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/1987 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện S. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, vợ chồng đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị N.

Con chung: Có 04 con chung Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh năm 1988, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990, Nguyễn Thị Thiên Th, sinh năm 1995 (đã mất) và Nguyễn Thị Thiên Th1, sinh năm 1997. Các con đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thị N: Đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bị đơn. Con chung và tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Hai bên tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn và chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và đã sống ly thân với nhau. Tại đơn xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện S thể hiện: *“Năm 2015 vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N không còn chung sống với nhau nữa, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn hạnh phúc”*. Từ các tài liệu, chứng cứ trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hôn nhân của hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

[3] Đối với con chung và tài sản, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nguyên đơn phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn H. Nguyên đơn Nguyễn Văn H được ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị N.

2. Con chung và tài sản do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét

3. Án phí: Buộc nguyên đơn Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006327 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên(01);
- VKSND huyện S (02);
- CC THADS huyện S (01);
- Các đương sự (02);
- UBND thị trấn C (01);
- Lưu án văn và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạch Văn Trinh